

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu khu đón trả hoa tiêu số 3, 4
tại Vũng Tàu – Thị Vải

VTU - 10 - 2019

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu ĐHTTVH3_1903 và ĐHTTVT4_1903, tỷ lệ 1/5.000 do đặc hoàn thành tháng 3/2019, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát khu đón trả hoa tiêu số 3, 4 tại Vũng Tàu – Thị Vải cụ thể như sau:

1. Khu đón trả hoa tiêu số 3 được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm K, L, M, N có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
K	10°17'00" N	107°04'00" E	10°16'56" N	107°04'06" E
L	10°17'00" N	107°06'00" E	10°16'56" N	107°06'06" E
M	10°15'28" N	107°06'00" E	10°15'25" N	107°06'06" E
N	10°15'28" N	107°04'00" E	10°15'25" N	107°04'06" E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét từ mực nước số "0 Hải đồ" đạt 14,9m trở lên.

2. Khu đón trả hoa tiêu số 4 được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm N, M, O, P có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
N	10°15'28" N	107°04'00" E	10°15'25" N	107°04'06" E
M	10°15'28" N	107°06'00" E	10°15'25" N	107°06'06" E
O	10°14'00" N	107°06'00" E	10°13'56" N	107°06'06" E
P	10°14'00" N	107°04'00" E	10°13'56" N	107°04'06" E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét từ mực nước số "0 Hải đồ" đạt 19,1m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trong khu đón trả hoa tiêu số 3, 4 tại Vũng Tàu – Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu. / *amy*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Dat}.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

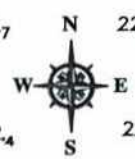


Phạm Tuấn Anh

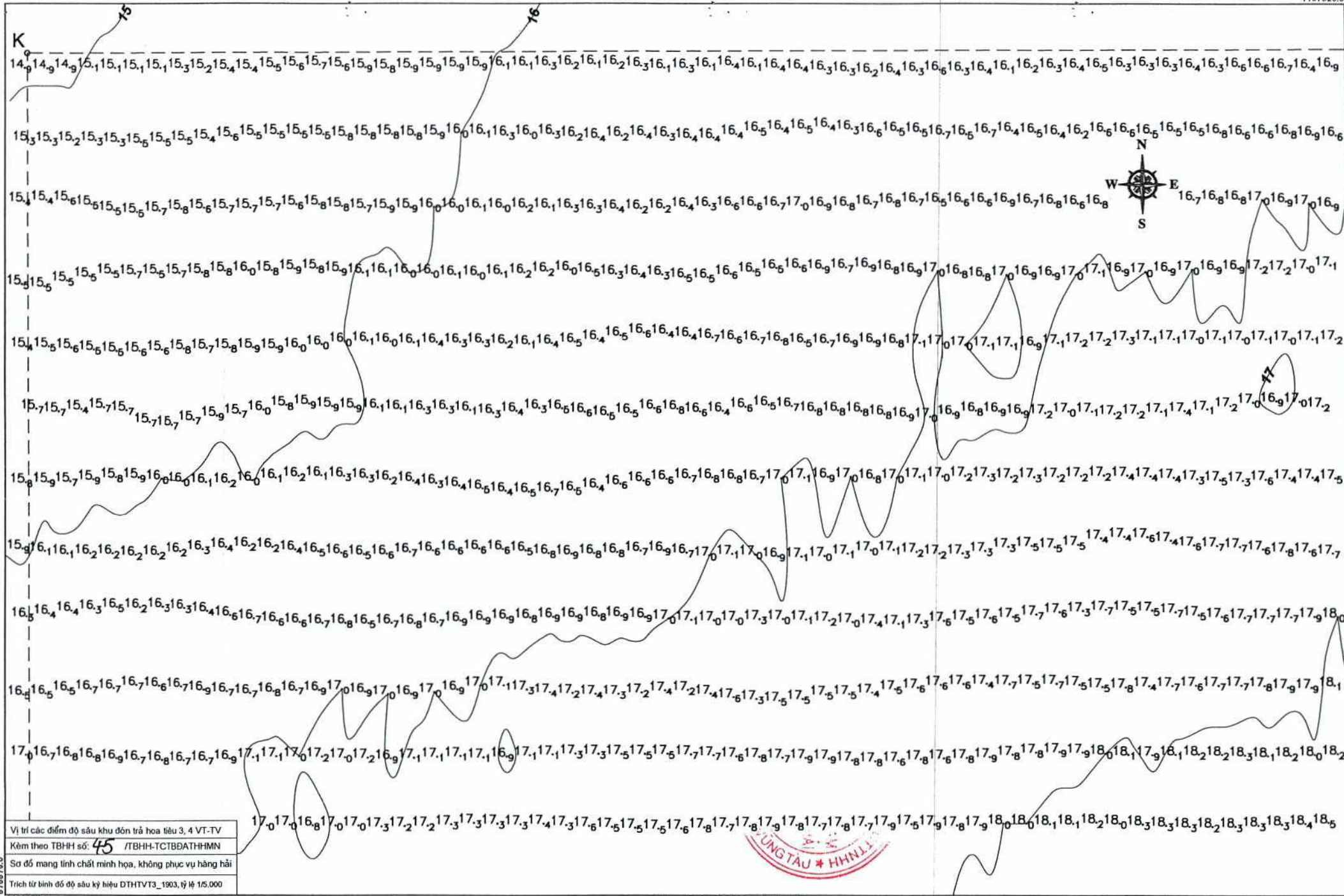
Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | | | |
|----|--|----|---|
| 1 | Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 | Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 2 | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 | Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 3 | Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 | Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 4 | Cục Cảnh sát biển | 16 | Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 5 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 17 | Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| | - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 18 | Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 19 | Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 20 | Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 21 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| | - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 22 | XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| | - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 23 | Chi nhánh TCT BĐATHHMN tại TP. HCM |
| 6 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 24 | XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 7 | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 25 | XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| | - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 26 | XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| | - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 27 | Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng |
| | - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 28 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I |
| | - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 29 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX |
| | - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 30 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| | - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 31 | Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu |
| 8 | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 32 | Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh BR-VT |
| 9 | Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh | | |
| 10 | Đài Duyên hải Vũng Tàu | | |
| 11 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | | |
| 12 | Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | | |





19.6, 19.4, 19.7, 19.7, 19.6, 19.9, 19.8, 20.0, 19.9, 19.8, 20.2, 19.7, 20.2, 20.3, 20.1, 20.4, 20.2, 20.3, 20.5, 20.5, 20.4, 20.7, 20.6, 20.7, 20.7, 20.6, 20.9, 20.8, 20.7, 21.1, 21.0, 21.1, 21.0, 21.2, 21.2, 21.4, 21.3, 21.3, 21.4, 21.6, 21.4, 21.6, 21.6, 21.6, 21.7



Vị trí các điểm độ sâu khu đón trả hoa tiêu 3, 4 VT-TV
 Kèm theo TBHH số: 45 /TBHH-TCTBĐATHMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu DTHVT3_1903, tỷ lệ 1/5.000